

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm VLXD thông thường và khoáng sản đi kèm trong “Báo cáo kết quả thăm dò bổ sung khoáng sản đá vôi có hàm lượng $\text{CaCO}_3 \geq 85\%$ trong phạm vi Giấy phép khai thác khoáng sản số 248/GP-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2018 tại xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa”
(Trữ lượng tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2022)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn; Quyết định số 26/2007/QĐ-BTNMT, ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và tài nguyên đá carbonat;

Căn cứ Giấy phép số 248/GP-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho phép Công ty TNHH Xây dựng giao thông thủy lợi Giang Sơn được khai thác khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1887/QĐ-UBND ngày 6/6/2013 và Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Hang Dơi, xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 687/BTNMT- ĐCKS, ngày 09/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quản lý khoáng sản khu vực khai thác đá vôi làm VLXD thông thường tại xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Công văn số 2193/BTNMT-TNKS ngày 03/4/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thăm dò, đánh giá trữ lượng đá vôi sản xuất vôi công nghiệp, sản xuất xi măng đi kèm trong phạm vi giấy phép khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường;

Xét Đơn đề ngày 11/4/2023 của Công ty TNHH Xây dựng giao thông thủy lợi Giang Sơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm VLXD thông thường và đá vôi có hàm lượng $\text{CaCO}_3 \geq 85\%$ tại xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá tại Tờ trình số 388/TTr-STNMT ngày 09/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường và đá vôi làm nguyên liệu sản xuất vôi công nghiệp, xi măng, vật liệu san lấp đi kèm trong “Báo cáo kết quả thăm dò bổ sung khoáng sản đá vôi có hàm lượng $\text{CaCO}_3 \geq 85\%$ trong phạm vi giấy phép khai thác khoáng sản số 248/GP-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2018 tại xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa”, với các nội dung chính sau:

1. Vị trí, diện tích:

Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng là 9,2 ha được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 11, 10, 9, 3, 4, 5, 6 (có tọa độ được xác định tại Phụ lục số 01 kèm theo).

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường đã tính trong báo cáo:

Cấp 122: 2.347.960 m³.

3. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đi kèm đã tính trong báo cáo:

Cấp 122: 1.950.887 m³, trong đó:

- Trữ lượng đá vôi làm nguyên liệu sản xuất vôi công nghiệp là 1.191.355 m³ tương ứng với 3.204.744 tấn.

- Trữ lượng đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng là 630.567 m³, tương ứng với 1.696.226 tấn.

- Trữ lượng đất xen kẹt làm vật liệu san lấp là 128.965 m³.

4. Mức sâu và các khối trữ lượng phê duyệt: Như Phụ lục số 02 kèm theo.

Trữ lượng và tài nguyên khoáng đất làm vật liệu san lấp của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này.

5. Xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác:

- Trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường: 2.347.960 m³.

- Trữ lượng đá vôi làm nguyên liệu sản xuất vôi công nghiệp: 1.191.355 m³ tương ứng với 3.204.744 tấn.

- Trữ lượng đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng: 630.567 m³, tương ứng với 1.696.226 tấn.

- Trữ lượng đất xen kẹt làm vật liệu san lấp: 128.965 m³.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ/thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và chấm dứt hiệu lực của Quyết định số 1887/QĐ-UBND ngày 06/6/2013 và Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Cục Khoáng sản Việt Nam;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- TT Thông tin Lưu trữ địa chất;
- Công ty TNHH Xây dựng giao thông thủy lợi Giang Sơn;
- Lưu: VT, CN (T05.42).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG
SẢN ĐÁ VÔI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG VÀ
KHOÁNG SẢN ĐI KÈM TẠI XÃ TÂN TRƯỜNG, THỊ XÃ NGHI SƠN,
TỈNH THANH HÓA**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Số hiệu điểm góc	VN2000 KTT 105° 00' múi 3°	
		X(m)	Y(m)
1	1	2142570,00	570441,00
2	2	2142696,00	570490,00
3	11	2142856,68	570548,06
4	10	2142799,70	570770,79
5	9	2142694,43	570854,24
6	3	2142660,00	570758,00
7	4	2142551,00	570721,00
8	5	2142469,00	570703,00
9	6	2142518,00	570537,00
Diện tích 9,2ha			

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN ĐÁ VÔI LÀM VẬT LIỆU XÂY
DỰNG THÔNG THƯỜNG VÀ KHOÁNG SẢN ĐI KÈM TẠI XÃ TÂN
TRƯỜNG, THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Trữ lượng đá vôi sản xuất vôi công nghiệp (m ³)	Trữ lượng đá vôi sản xuất xi măng (m ³)	Trữ lượng đá vôi làm VLXDTT (m ³)	Trữ lượng đất xen kẹp làm vật liệu san lấp (m ³)
1	1-122	+ 20,0	853.651	451.825	1.657.668	91.644
2	2-122	+ 20,0	337.704	178.742	690.292	37.322
Cộng			1.191.355	630.567	2.347.960	128.966